

Số: /2023/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ ...**

(từ ngày...../...../2023 đến ngày...../ /2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết về nội dung, mức chi đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 trình Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố số /BC-HĐND ngày / /2023; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.....*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 với các nội dung chính như sau:

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và điều kiện áp dụng**

#### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

#### **b) Đối tượng**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong thời gian 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo*) trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện đang sản xuất nông nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện hỗ trợ. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo (*đối tượng hỗ trợ này không bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội*).

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan.

## **2. Nội dung chi, mức chi**

### **2.1. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **2.1.1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Thực hiện theo khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

#### **2.1.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm:

Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 01, Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này.

Chi nghiên cứu, lập và xây dựng dự án, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 02, Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện theo khoản 1, Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 03 chu kỳ sản xuất.

Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) kế hoạch liên kết.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

### **2.2. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

#### **2.2.1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Thực hiện theo khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

#### **2.2.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

b) Hỗ trợ 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

d) Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

e) Hỗ trợ xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

Hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn vùng nông thôn thuộc phạm vi Thành phố.

f) Cơ chế quay vòng vốn: Không thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

### **2.3. Điều kiện, nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất nhiệm vụ**

#### **2.3.1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

- Sau tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị được giao vốn có văn bản gửi đến UBND huyện, xã để thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư thì các đối tượng được hỗ trợ chuyển sang thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

#### **2.3.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

- Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 05 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động Khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối với nội dung mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) thực hiện mức hỗ trợ 70% kinh phí theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá ba (03) tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

### **3. Phương thức thực hiện**

### ***3.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị***

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Mẫu đơn, biểu mẫu kế hoạch đối với hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; cam kết và có biện pháp nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất).

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

### ***3.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng***

- Thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Mẫu hồ sơ thực hiện theo Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này. Lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và khoản 2 Điều 7 Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

### ***3.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ***

- Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán; đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

## ***4. Nguồn kinh phí thực hiện:*** Nguồn ngân sách Thành phố.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:**

- Tổ chức thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ để các cá nhân, tổ chức biết, thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia tuyên truyền và giám sát thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UVTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Công thương; LĐTBXH; Văn hóa, Thể thao & Du lịch; Nội vụ; Tài nguyên & Môi trường; Giáo dục & Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn ĐB Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND, UBND Thành phố, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban đảng TU;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố Hà Nội, Công GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

**PHỤ LỤC 01****CHI HỖ TRỢ TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN KẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

**Biểu 01 – Phụ lục 01****CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN THAM GIA LIÊN KẾT**

STT	Nội dung	Mức chi
1	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra	
3	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công cho người dẫn đường	
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	
a)	Đối với cá nhân	
-	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
b)	Đối với tổ chức ( <i>Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định</i> )	
	Dưới 30 hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
c)	Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan đơn vị của nhà nước	
5	Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra	
6	Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra	
7	Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra ( <i>Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra</i> )	

**Biểu 02 – Phụ lục 01****CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

<b>TT</b>	<b>Chức danh/Nội dung công việc</b>	<b>Mức chi</b>
<b>I</b>	<b>Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ liên kết (tính theo mức lương cơ sở hiện hành)</b>	Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	
2	Thư ký	
3	Thành viên chính	
4	Thành viên	
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	
<b>II</b>	<b>Chi vật tư, văn phòng phẩm: Thanh toán theo thực tế</b>	



**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị cộng đồng.
2. Mẫu số 02: Biên bản họp cộng đồng.
3. Mẫu số 03: Đề cương Dự án đề nghị hỗ trợ sản xuất cộng đồng.
4. Mẫu số 04: Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm.
5. Mẫu số 05: Bản cam kết của hộ gia đình.
6. Mẫu số 06: Công văn đề nghị hỗ trợ dự án.

**Mẫu số 01 – Phụ lục 02**  
**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện Chương trình  
 MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022- 2025**

Kính gửi: UBND xã..... (hoặc UBND huyện.....)

Cộng đồng dân cư:.....

Người đại diện .....

Chức vụ: .....

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (Cộng đồng dân cư .....)  
 đề nghị..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ  
 phát triển sản xuất cộng đồng):

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô : .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Hỗ trợ Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

2. Hỗ trợ Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

3. Hỗ trợ: .....

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ: .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

**III. CAM KẾT: (tên Cộng đồng dân cư cam kết):**

Tính chính xác của những thông tin trên đây

1. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):  
 hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (mẫu tham khảo đính kèm)...../.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;

- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(Ký, ghi họ tên)*

**Mẫu 02 - Phụ lục 02**

UBND XÃ .....  
THÔN .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại thôn ....., xã ....., huyện ..... nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án, như sau:

**I. Chủ trì cuộc họp:**

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ: Trưởng thôn
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ .....

**II. Thành phần tham gia:**

- Đại diện UBND xã: .....
- Đại diện thôn (nơi triển khai dự án).....
- Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác):.....
- Số hộ tham gia: ..... hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn thôn.

**III. Nội dung cuộc họp**

1. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).....

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): Thống nhất tên dự án: .....

Thông qua nội dung, điều kiện và cơ chế hỗ trợ; Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án; Tổng số hộ tham gia cuộc họp bình xét ..... hộ; Tổng số hộ được lựa chọn tham gia dự án: .....hộ, trong đó: hộ nghèo..... hộ, hộ cận nghèo:..... hộ, hộ mới thoát nghèo..... hộ; lập danh sách các đối tượng tham gia dự án”.

3. Đối tượng tham gia: .....

4. Thời gian triển khai: .....

5. Địa bàn thực hiện: .....

6. Các hoạt động của dự án: .....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia : .....

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có): .....
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: .....
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :.....
11. Tổ chức thực hiện dự án: .....
12. Các nội dung liên quan khác .....

Cuộc họp đã kết thúc vào .... giờ cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

**Thư ký**

**Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp  
tác/cộng đồng**

**Trưởng thôn**

**Đại diện UBND Xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**(Đề cương dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng)**

**TÊN DỰ ÁN .....**  
**thuộc dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc**  
**Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững**  
**thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025**

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):  
.....
3. Đối tượng tham gia: .....
4. Thời gian triển khai: .....
5. Địa bàn thực hiện: .....
6. Các hoạt động của dự án: (nêu cụ thể các hoạt động của dự án ví dụ: tập huấn về sản xuất chè cho 45 hộ; hỗ trợ giống chè cho 5 ha.....)
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia
  - Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)
  - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,.....)
  - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,.....)
  - Đối ứng của đối tượng tham gia (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm vốn của cộng đồng).
  - Vốn vay tín dụng: gia (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm).
  - Thời gian và kinh phí hỗ trợ
  - + Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm).

+ Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm).

Tổng số tiền xin hỗ trợ: .....

- Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

8. Hình thức, mức quay vòng : (nêu rõ số tiền quay vòng phải thu, hình thức thu, thời gian thu...nếu có) .....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; (nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường)

10. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: ... ..

12. Tổ chức thực hiện dự án: .....

13. Các nội dung liên quan khác .....

14. Đề nghị (cấp có thẩm quyền)..... ... xem xét quyết định hỗ trợ.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
(*ký, ghi rõ họ tên*)

**Mẫu số 04 - Phụ lục 02****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH, TIÊU THỤ SẢN PHẨM  
Dự án .....  
thuộc dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo  
thuộc Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững  
thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025****Phần I  
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án: .....
2. Mục tiêu của dự án: .....
3. Đối tượng tham gia của dự án: .....  
- Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).  
- Số lượng hộ gia đình nông dân tham gia dự án (phân theo từng loại đối tượng được quy định theo các chương trình mục tiêu quốc gia).  
.....
4. Địa điểm thực hiện dự án: .....
5. Thời gian thực hiện dự án: .....
6. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện sản xuất: .....
7. Quy mô sản xuất: .....
8. Quy trình kỹ thuật áp dụng trong quá trình sản xuất: .....
9. Hình thức hỗ trợ sản xuất: .....

**Phần II  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư.
2. Xác định các hoạt động sản xuất nhằm đáp ứng mục tiêu dự án của cộng đồng.
3. Dự kiến kết quả sản xuất sản phẩm của cộng đồng.



4. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của cộng đồng.

Số lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường (trong nhân dân, thương lái, hợp tác xã, doanh nghiệp)

5. Phương án bố trí cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất của cộng đồng.

### **Phần III.**

## **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

1. Phương án huy động và sử dụng vốn.

Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung, chi tiết các năm).
- Vốn đối ứng tham gia của cộng đồng dân cư.
- Vốn hỗ trợ của doanh nghiệp và hợp tác xã.
- Vốn tín dụng ưu đãi, vốn lòng ghép thực hiện.

### **Phần IV**

## **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN**

1. Hiệu quả kinh tế

2. Hiệu quả xã hội

3. ....

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
(Tên xã ...), ngày ..... tháng ..... năm .....

**BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH**

**Tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Họ và tên chủ hộ: .....
2. Địa chỉ: Thôn/bản ..... Xã ..... Huyện.....
3. Số CCCD/CMTND ..... do cơ quan công an cấp:....., ngày ..... tháng ..... năm ...
4. Số điện thoại: .....

**TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:**

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án và thực hiện luân chuyển bằng hiện vật hoặc tiền phần quay vòng vốn theo phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền (nếu có).
4. Nếu vi phạm cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. Ủy ban nhân dân xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản, cá nhân giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
(TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**  
(Ký, ghi họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH**  
(Ký, ghi họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ (THỊ TRẤN) .....**

**Mẫu số 06 – Phụ lục 02  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... /UBND  
V/v đề nghị hỗ trợ dự án ..... trên địa  
bàn .....  
năm ....

....., ngày ..... tháng ... năm 20...

Kính gửi:

- UBND huyện/thị xã;
- Phòng chuyên môn thuộc huyện (đơn vị được giao vốn).

Căn cứ Dự án ngày ..... /...../20.... của cộng đồng dân cư  
..... về việc triển khai thực hiện dự án.....  
đã được UBND huyện phê duyệt;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của dự án  
ngày .... /...../20.... của cộng đồng dân cư ..... về việc triển khai thực  
hiện dự án.....

UBND xã (thị trấn) ..... phối hợp với các phòng ban liên  
quan và chỉ đạo cộng đồng dân cư triển khai thực hiện dự án, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ tham gia thực hiện dự án: ..... hộ;
- Kinh phí đề nghị hỗ trợ: ..... đồng, trong đó:  
+ Kinh phí giống: ..... đồng;  
+ Kinh phí vật tư: ..... đồng.  
+ Kinh phí: ..... đồng.

(Bằng chữ: .....)

UBND xã (thị trấn) ..... kính đề nghị UBND huyện  
xem xét, thực hiện hỗ trợ theo quy định. Kinh phí hỗ trợ đề nghị chuyển  
về tài khoản:

- Đơn vị hưởng: UBND xã (thị trấn) .....
- Số hiệu tài khoản: .....
- Mở tại: Kho bạc Nhà nước huyện/thị xã.....
- Mã quan hệ ngân sách: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

